

Số: 342/2018/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 22 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 292/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa:

+ **Người yêu cầu:** Anh Lê Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Đội 1, thôn Luật L, thị trấn Diêu T, huyện T, tỉnh B.

+ **Người yêu cầu:** Chị Nguyễn Thị Như N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 4/91 Đặng T, tổ 8, khu vực 3, phường A, thành phố H tỉnh T.

- Căn cứ vào Điều 212 và 213, khoản 4, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4, Điều 6, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Như N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau :

a/ Về hôn nhân: Anh C, chị N quá trình chung sống anh chị không còn hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn xảy ra cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa, nên mâu thuẫn đã trầm trọng không khắc phục được. Vì vậy, anh C, chị N cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

b/ Về con chung: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Như N quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 11/9/2004, Lê Ngọc Bảo C, sinh ngày 30/10/2008, Lê Nguyễn Bảo N, sinh ngày 17/12/2010. Hiện nay cả ba cháu đang sống với chị Nguyễn Thị Như N.

Nay anh chị thuận tình ly hôn hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận như sau:

Giao cả ba cháu Lê Ngọc Bảo T, Lê Ngọc Bảo C và Lê Nguyễn Bảo N cho chị Nguyễn Thị Như N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Văn C tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho cháu Lê Ngọc Bảo T và Lê Ngọc Bảo C mỗi cháu mỗi tháng 500.000 đồng (2 cháu x 500.000 đồng = 1.000.000 đồng), riêng cháu Lê Nguyễn Bảo N mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 6/2018 cho đến lúc các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được phép cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành số tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

c/Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Như N cùng công nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

3.Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn C và chị Nguyễn Thị Như N mỗi người phải chịu lệ phí dân sự 150.000 đồng, nhưng anh C, chị N đã tạm nộp tạm ứng lệ phí đủ 300.000đồng. Căn cứ biên lai số 004897 ngày 23/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế. Nay anh chị không phải nộp nữa.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSNDTP H
- THATP H;
- TAND Tỉnh T;
- UBND phường H, thành phố H tỉnh Thừa T;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Huê